

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN - LẦN 1**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	71ACCT30042	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	231-71ACCT30042-01,02,03,04,05,06,07,08,09,10		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>75</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	25%	Câu 6,7,8,9,10 (random 5 câu trong 16 câu từ câu 17-32)	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
CLO2	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể.	Trắc Nghiệm	10%	Câu 11,12,13,14,15 (random 5 câu trong 16 câu từ câu 33-48)	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
CLO3	Lập được báo cáo kết quả kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách phục vụ ra quyết định quản trị một cách độc lập.	Trắc Nghiệm	20%	Câu 16,17,18,19,20 (random 5 câu trong 16 câu từ câu 49-64)	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
		Tự luận	40%	Câu 21	3 điểm	PI3.1
CLO5	Thích ứng với định hướng học tập suốt đời	Trắc Nghiệm	5%	Câu 1,2,3,4,5 (random 5 câu trong 16 câu từ câu 1-16)	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI9.1

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM 20 câu (7 điểm- 0.35điểm/câu)**

#### **5 câu đầu tiên Random trong 16 câu sau**

##### **Câu 1**

Kế toán quản trị cung cấp thông tin thông qua:

- A. Báo cáo quản trị
- B. Báo cáo tài chính
- C. Báo cáo thuế
- D. Bảng cân đối số phát sinh

ANSWER: A

##### **Câu 2:**

Kế toán quản trị cung cấp thông tin chủ yếu cho nhà quản trị trong việc

- A. Cả 3 đáp án đều đúng
- B. Hoạch định
- C. Kiểm soát
- D. Ra quyết định

ANSWER: A

##### **Câu 3:**

Điều nào sau đây đúng về kế toán quản trị:

- A. tập trung vào ước tính doanh thu, chi phí trong tương lai và các biện pháp khác để dự báo các hoạt động và kết quả của doanh nghiệp.
- B. tập trung vào việc ghi nhận doanh thu, chi phí vào trong sổ sách kế toán để từ đó lập ra báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- C. báo cáo về những thông tin đã xảy ra trong quá khứ và thông tin này có thể kiểm chứng và đáng tin cậy
- D. cung cấp các thông tin bắt buộc phải có trong các báo cáo vào hàng quý hoặc hàng năm tại doanh nghiệp

ANSWER: A

**Câu 4:**

Điểm nào sau đây là đặc điểm của báo cáo Kế toán quản trị

- A. Báo cáo được lập theo yêu cầu của ban lãnh đạo công ty
- B. Thông tin để lập báo cáo là thông tin đã xảy ra
- C. Thông tin được cung cấp với độ chính xác tuyệt đối
- D. Báo cáo được cung cấp cho tất cả các đối tượng cần dùng

ANSWER: A

**Câu 5:**

Việc lựa chọn một phương án hành động từ các phương án được đề xuất thuộc chức năng nào của kế toán quản trị?

- A. Ra quyết định
- B. Lập kế hoạch
- C. Kiểm soát
- D. Giám sát

ANSWER: A

**Câu 6:**

Vai trò của kế toán quản trị là:

- A. Cung cấp thông tin cho các giám đốc điều hành để phục vụ cho việc ra quyết định
- B. Cung cấp thông tin cho cơ quan thuế để phục vụ cho việc ra quyết định
- C. Cung cấp thông tin cho khách hàng để phục vụ cho việc ra quyết định
- D. Cung cấp thông tin cho ngân hàng để phục vụ cho việc ra quyết định

ANSWER: A

**Câu 7**

Chức năng nào sau đây **không** phải là chức năng chính của kế toán quản trị?

- A. Lập báo cáo tài chính
- B. Kiểm soát
- C. Lập kế hoạch
- D. Ra quyết định

ANSWER: A

**Câu 8**

Hãy cho biết hoạt động nào sau đây **không** thuộc về khái niệm kế toán quản trị?

- A. Cung cấp thông tin bằng báo cáo tài chính
- B. Dự báo chi phí
- C. lập kế hoạch cho tương lai
- D. Ra quyết định để chọn lựa phương án

ANSWER: A

**Câu 9**

Kế toán quản trị

- A. Lập các báo cáo mà có thể phân tích chi tiết và cung cấp thông tin nhiều hơn
- B. Cung cấp thông tin cho tất cả những ai quan tâm
- C. Quan tâm đến việc xây dựng và duy trì thị trường cho các loại chứng khoán của tổ chức
- D. Có các nguyên tắc báo cáo, ghi sổ do Bộ Tài chính quy định thống nhất

ANSWER: A

**Câu 10**

Nhận định nào sau đây phản ánh sự khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính?

- A. Báo cáo thuộc kế toán quản trị không bắt buộc tuân thủ các quy định của pháp luật như báo cáo tài chính.
- B. Báo cáo thuộc kế toán quản trị bắt buộc tuân thủ theo mẫu biểu quy định trong khi báo cáo tài chính thì không bắt buộc.
- C. Nội dung báo cáo thuộc kế toán quản trị nhấn mạnh thông tin tổng quát hơn báo cáo tài chính.
- D. Nội dung báo cáo thuộc kế toán quản trị nhấn mạnh tính chính xác cao hơn báo cáo tài chính.

ANSWER: A

**Câu 11:**

Đáp án nào sau đây là phải là chức năng của kế toán quản trị:

- A. Lập kế hoạch
- B. Định khoản
- C. Lập báo cáo tài chính
- D. Lập chứng từ

ANSWER: A

**Câu 12:**

Kế toán quản trị cung cấp thông tin cho

- A. Nhà quản lý
- B. Nhà cung cấp
- C. Cơ quan thuế
- D. Khách hàng

ANSWER: A

**Câu 13:**

Thông tin mà kế toán quản trị cung cấp có đặc điểm

- A. Thông tin hướng tới tương lai
- B. Thông tin ghi nhận từ sự kiện đã xảy ra
- C. Chính xác tuyệt đối
- D. Báo cáo lập chi tiết cho từng bộ phận

ANSWER: A

**Câu 14:**

Câu nào mô tả đúng vai trò của kế toán quản trị

- A. Kế toán quản trị tạo thuận lợi cho quá trình ra quyết định trong một tổ chức
- B. Kế toán quản trị đưa ra quyết định chính xác trong tương lai của một tổ chức
- C. Kế toán quản trị chuẩn bị cho việc lập báo cáo tài chính
- D. Kế toán quản trị có xu hướng tổng hợp thông tin nhiều hơn so với KTTC

ANSWER: A

**Câu 15:**

Những việc dưới đây việc nào thuộc chức năng hoạch định/lập kế hoạch của doanh nghiệp

- A. Lên kế hoạch mua máy móc thiết bị để tăng sản lượng
- B. Kiểm đếm hàng bán ra để xác nhận số liệu ghi chép về hàng tồn kho
- C. Nghiên cứu khách hàng để xác định mức độ hài lòng đối với sản phẩm của một công ty
- D. Không câu nào đúng

ANSWER: A

**Câu 16:**

Điều nào sau đây không thuộc chức năng của kế toán quản trị:

- A. Lập hồ sơ kê khai thuế.
- B. Lập dự toán bán hàng
- C. Cung cấp thông tin cho nhà quản lý ra quyết định.
- D. Chuẩn bị ngân sách và báo cáo hiệu suất

ANSWER: A

### 5 câu tiếp theo Random trong 16 câu sau

**Câu 17:**

Tổng chi phí trong doanh nghiệp được phân thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ. Cách phân loại này là căn cứ theo nội dung nào?

- A. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ xác định kết quả kinh doanh
- B. Theo chức năng hoạt động
- C. Theo cách ứng xử của chi phí
- D. Theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

ANSWER: A

**Câu 18:**

Trong một doanh nghiệp, chi phí bảo trì máy móc bao gồm chi phí cố định là 8.000.000đ và chi phí biến đổi phụ thuộc vào số giờ máy chạy (X) với mỗi giờ có chi phí bảo trì là 6.000đ. Hãy viết phương trình chi phí bảo trì thể hiện mối quan hệ giữa chi phí và mức độ hoạt động?

- A.  $Y = 6.000 \cdot X + 8.000.000$
- B.  $Y = 6.000 \cdot X$
- C.  $Y = 8.000.000 \cdot X + 6.000$
- D.  $Y = 8.006.000$

ANSWER: A

**Câu 19:**

Trong một doanh nghiệp có chính sách trả lương cho bộ phận kinh doanh gồm hai phần: Phần thứ nhất là lương cơ bản cố định hàng tháng trị giá 5.000.000đ và phần thứ hai là hoa hồng bán hàng dựa vào số lượng sản phẩm bán (x) với đơn giá 3.000đ/sp. Căn cứ theo cách ứng xử của chi phí thì chi phí tiền lương bộ phận kinh doanh được phân thành?

- A. Chi phí hỗn hợp
- B. Chi phí biến đổi
- C. Chi phí cố định

**D. Chi phí bán hàng**

ANSWER: A

**Câu 20**

Công ty A có số giờ máy và chi phí tiền điện thắp sáng và vận hành máy móc thiết bị của hai kỳ tiêu thụ lớn nhất và nhỏ nhất như sau:

Tháng	Số giờ máy (giờ)	Chi phí tiền điện (triệu đồng)
1	1.000	3.800
6	1.500	5.300

Sử dụng phương pháp cực đại cực tiểu, viết phương trình thể hiện mối quan hệ giữa số giờ máy và chi phí tiền điện

A.  $Y = 3X + 800$  (triệu đồng)

B.  $Y = 800X + 3$  (triệu đồng)

C.  $Y = 800 + 0,3X$  (triệu đồng)

D.  $Y = 800X + 30$  (triệu đồng)

ANSWER: A

**Câu 21**

Trong một doanh nghiệp, chi phí tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất trả theo sản phẩm được ghi nhận cuối mỗi tháng. Căn cứ vào cách phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí thì chi phí tiền lương được phân thành:

A. Chi phí biến đổi

B. Chi phí cố định

C. Chi phí hỗn hợp

D. Chi phí ngoài sản xuất

ANSWER: A

**Câu 22:**

Chi phí tiền lương cho thư ký là:

A. Chi phí quản lý doanh nghiệp

B. Chi phí bán hàng

C. Chi phí sản xuất chung

D. Chi phí nhân công trực tiếp

ANSWER: A

**Câu 23:**

Chi phí quảng cáo trên báo tuổi trẻ với số tiền 10 triệu đồng/ tháng là:

A. Định phí bán hàng

B. Định phí quản lý doanh nghiệp

C. Chi phí hỗn hợp

D. Biến phí bán hàng

ANSWER: A

**Câu 24**

Tại công ty ABC có các dữ liệu như sau:

Tổng chi phí	Tổng số lượng sản phẩm
\$ 27.000	500 sản phẩm
\$ 36.600	1.000 sản phẩm

Dùng phương pháp cực đại cực tiểu, hãy cho biết biến phí cho 1 sản phẩm là bao nhiêu?

- A. \$ 19,2/sản phẩm
- B. \$ 20,5/sản phẩm
- C. \$ 30,6/sản phẩm
- D. \$ 11,7/sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 25

Chi phí thuê nhà xưởng là:

- A. Chi phí sản xuất chung
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí bán hàng
- D. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

ANSWER: A

### Câu 26

Tiền sửa chữa máy móc thiết bị tại phân xưởng sản xuất là:

- A. Chi phí sản xuất chung
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí bán hàng
- D. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

ANSWER: A

### Câu 27

Tại công ty ABC có các dữ liệu như sau:

Tổng chi phí	Tổng số lượng sản phẩm
\$ 27.000	500 sản phẩm
\$ 36.600	1.000 sản phẩm

Dùng phương pháp cực đại cực tiểu, hãy cho biết định phí trong kỳ là bao nhiêu?

- A. \$ 17.400
- B. \$ 18.200
- C. \$ 15.900
- D. \$ Tất cả đều sai

ANSWER: A

### Câu 28

Tiền điện dùng ở văn phòng công ty sản xuất đồ chơi là:

- A. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- B. Chi phí sản xuất chung
- C. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- D. Chi phí bán hàng

ANSWER: A



**Câu 29**

Nguyên vật liệu gỗ được dùng để đóng ra sản phẩm là cái bàn được xem là

- A. Chi phí trực tiếp
- B. Chi phí gián tiếp
- C. Định phí
- D. Chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

**Câu 30**

Dữ liệu sau liên quan đến chi phí của 1 hợp đồng thuê lau dọn nhà như sau:

Số m <sup>2</sup> lau dọn	1.200	2.000
Chi phí (\$)	6.400	8.000

Dùng phương pháp cực đại cực tiểu, nếu tháng 10 công ty lau dọn được 1.800 m<sup>2</sup> thì **tổng chi phí** sẽ là:

- A. \$7.600
- B. \$7.200
- C. \$4.000
- D. \$7.400

ANSWER: A

**Câu 31**

Công ty Minh Anh sử dụng phương trình chi phí  $Y = 10.000 + 0.8X$  cho chi phí bảo trì tại nhà máy. trong đó X là số giờ máy. Trong tháng 12 dự tính sẽ sử dụng 5.000 giờ máy. Chi phí bảo trì dự tính trong tháng 12 là bao nhiêu?

- A. 14.000 đồng
- B. 14.600 đồng
- C. 15.600 đồng
- D. 12.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 32**

Chi phí nào sau đây được xem là chi phí sản phẩm chứ không phải là chi phí thời kỳ trong doanh nghiệp sản xuất?

- A. Khấu hao máy in tại phòng quản lý phân xưởng
- B. Lương nhân viên vệ sinh văn phòng công ty
- C. Tiền thuê văn phòng công ty
- D. Hoa hồng trên mỗi sản phẩm tiêu thụ

ANSWER: A

**5 câu tiếp theo Random trong 16 câu sau****Câu 33**

Với định phí là \$ 16.000 và biến phí cho 1 sản phẩm là \$7,5/sản phẩm và mỗi sản phẩm được bán với giá bán là \$10/sản phẩm.

Điểm hòa vốn về mặt số lượng là:

- A. 6.400 sản phẩm
- B. 5.000 sản phẩm
- C. 3.200 sản phẩm
- D. 4.000 sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 34

Số dư đảm phí cho 1 sản phẩm được tính bằng:

- A. Giá bán cho 1 sản phẩm trừ biến phí cho 1 sản phẩm
- B. Giá bán cho 1 sản phẩm trừ định phí cho 1 sản phẩm
- C. Biến phí cho 1 sản phẩm trừ giá bán cho 1 sản phẩm
- D. Định phí cho 1 sản phẩm trừ giá bán cho 1 sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 35

Công ty ABC có các dữ liệu như sau:

+ Tổng định phí: \$ 40.000

+ Giá bán: \$ 6/sản phẩm

+ Biến phí cho 1 sản phẩm: \$ 4/sản phẩm

Nếu giá bán tăng 50% thì điểm hòa vốn về mặt số lượng là:

- A. 8.000 sản phẩm
- B. 10.000 sản phẩm
- C. 12.000 sản phẩm
- D. 6.000 sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 36

Tổng số dư đảm phí được tính bằng:

- A. Doanh thu trừ tổng biến phí
- B. Tổng biến phí trừ doanh thu
- C. Doanh thu trừ tổng định phí
- D. Tổng định phí trừ doanh thu

ANSWER: A

### Câu 37

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với mức sản lượng tiêu thụ hiện tại là 10.000sp, tỷ lệ số dư đảm phí là 30% và định phí hàng tháng là 36.000.000đ. Nếu công ty mong muốn đạt được lợi nhuận là 18.000.000đ thì doanh thu bán được là bao nhiêu tiền?

- A. 180.000.000đ
- B. 120.000.000đ
- C. 77.142.857đ
- D. 60.000.000đ

ANSWER: A

### Câu 38

Lợi nhuận được tính bằng:

- A. Tổng số dư đảm phí – Tổng định phí
- B. Tổng số dư đảm phí – Tổng biến phí
- C. Tổng số dư đảm phí + Tổng định phí
- D. Tổng số dư đảm phí + Tổng biến phí

ANSWER: A

### Câu 39

Một công ty sản xuất một sản phẩm duy nhất và có các thông tin như sau:

- + Định phí là \$30.000 mỗi tháng
- + Biến phí/sp là \$10/sản phẩm
- + Giá bán là \$15/sản phẩm,
- + Hiện tại công ty bán được 10.000 sản phẩm

Hãy tính lợi nhuận của công ty hiện nay?

- A. \$20.000
- B. \$120.000
- C. \$50.000
- D. \$12.000

ANSWER: A

### Câu 40

Độ lớn đòn bẩy kinh doanh được xác định bằng ... chia cho lợi nhuận. Nhận định nào sau đây phù hợp điền vào dấu ba chấm?

- A. Tất cả các phương án đều đúng
- B. Tổng dư đảm phí
- C. Doanh thu – tổng biến phí
- D. Định phí + Lợi nhuận

ANSWER: A

### Câu 41

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 80.000đ/sp, biến phí đơn vị là 60.000đ/sp và định phí hàng tháng là 240.000.000đ, sản lượng tiêu thụ hiện tại là 25.000sp. Độ lớn đòn bẩy kinh doanh trong trường hợp này là?

- A. 1,92 lần
- B. 2,08 lần
- C. 7,7 lần
- D. 1,82 lần

ANSWER: A

### Câu 42

Số dư đảm phí là giá trị còn lại của doanh thu sau khi trừ biến phí. Bên cạnh đó, số dư đảm phí còn được xác định bởi công thức ...

- A. Số dư đảm phí = Lợi nhuận + Định phí
- B. Số dư đảm phí = Lợi nhuận – Định phí
- C. Số dư đảm phí = Doanh thu/Tỷ lệ số dư đảm phí
- D. Số dư đảm phí = Số dư đảm phí đơn vị/Giá bán

ANSWER: A

**Câu 43**

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 80.000đ/sp, biến phí đơn vị là 60.000đ/sp và định phí hàng tháng là 160.000.000đ. Như vậy sản lượng hòa vốn cần đạt được trong tháng là:

- A. 8.000 sản phẩm
- B. 640.000.000 đồng
- C. 20.000 sản phẩm
- D. 2.667 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 44**

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh hai loại, trong đó sản phẩm A có tỷ lệ số dư đảm phí là 30%, sản phẩm B có tỷ lệ số dư đảm phí là 35%. Hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Muốn đạt lợi nhuận tối đa thì công ty cần ưu tiên bán sản phẩm B trước sản phẩm A
- B. Muốn đạt lợi nhuận tối đa thì công ty cần ưu tiên bán sản phẩm A trước sản phẩm B
- C. Kết cấu hàng bán không ảnh hưởng đến lợi nhuận tối đa của công ty
- D. Kết cấu hàng bán không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận tối đa của công ty

ANSWER: A

**Câu 45**

Một công ty sản xuất một sản phẩm duy nhất và có các thông tin như sau:

- + Định phí là \$30,000 mỗi tháng,
- + Biến phí/sp là \$9/sản phẩm
- + Giá bán là \$15/sản phẩm,
- + Hiện tại công ty bán được 10,000 sản phẩm

Doanh thu hòa vốn của công ty là:

- A. \$ 75.000
- B. \$ 50,000
- C. \$ 150.000
- D. \$ 80.000

ANSWER: A

**Câu 46**

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 5.000đ/sp, biến phí đơn vị là 2.000đ/sp và định phí hàng tháng là 25.000.000đ, Nếu công ty tiêu thụ tại mức sản lượng 20.000sp thì lợi nhuận đạt được là:

- A. 35.000.000đ
- B. 60.000.000đ
- C. 40.000.000đ
- D. 60.000.000đ

ANSWER: A

**Câu 47**

Công ty X có thông tin về hoạt động của năm ngoái như sau: (nghìn đồng)

	Tổng
Doanh thu (400 chiếc)	400.000
Trừ: CP biến đổi	240.000
Số dư đảm phí	160.000
Trừ: CP cố định	100.000
Thu nhập ròng	60.000

Nếu công ty có thể tăng sản lượng từ 400 lên 500 chiếc bằng cách giảm giá bán xuống còn 960 nghìn đồng /sp, thì lợi nhuận sẽ tăng hay giảm so với ban đầu bao nhiêu?

- A. Tăng 20.000 nghìn đồng
- B. Giảm 20.000 nghìn đồng
- C. Giảm 80.000 nghìn đồng
- D. Tăng 80.000 nghìn đồng

ANSWER: A

#### Câu 48

Số dư đảm phí của công ty S chiếm 40% doanh thu. Doanh thu hòa vốn của công ty là bao nhiêu? Giả định rằng tổng định phí của công ty là 360.000 nghìn đồng/năm

- A. 900.000 nghìn đồng
- B. 100.000 nghìn đồng
- C. 400.000 nghìn đồng
- D. 600.000 nghìn đồng

ANSWER: A

### 5 câu cuối Random trong 16 câu sau

#### Câu 49

Dự toán nào là dự toán cung cấp thông tin về sản lượng, đơn giá và doanh thu dự kiến trong một khoảng thời gian nhất định?

- A. Dự toán tiêu thụ
- B. Dự toán sản xuất
- C. Dự toán chi phí bán hàng
- D. Dự toán thu, chi tiền mặt

ANSWER: A

#### Câu 50

Công ty ABC có số liệu dự toán về doanh thu tháng 7, tháng 8 và tháng 9 lần lượt là 350.000.000đ; 500.000.000đ và 600.000.000đ. Công ty dự kiến chính sách thanh toán là thu ngay trong tháng 70% và thu sau một tháng 30%. Hãy cho biết số tiền dự kiến thu được trong tháng 9 là?

- A. 570.000.000đ
- B. 455.000.000đ
- C. 530.000.000đ
- D. 500.000.000đ

ANSWER: A

**Câu 51**

Một công ty đang lập dự toán sản xuất cho sản phẩm Z cho năm tới. Công ty dự kiến bán được 3.000 sản phẩm. Tồn kho đầu kỳ là 200 sản phẩm và tồn kho cuối kỳ là 400 sản phẩm. Số lượng sản phẩm Z dự kiến được sản xuất là:

- A. 3.200 sản phẩm
- B. 2.800 sản phẩm
- C. 3.000 sản phẩm
- D. 3.600 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 52**

Một công ty đang lập dự toán sản xuất cho sản phẩm A cho năm tới.

Thông tin được cung cấp như sau:

- + Đầu tháng trong kho có: 600 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng là: 1.000 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm bán được trong tháng là: 1.100 sản phẩm

Cuối tháng trong kho có:

- A. 500 sản phẩm
- B. 600 sản phẩm
- C. 700 sản phẩm
- D. 800 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 53**

Một công ty đang chuẩn bị lập dự toán bán hàng cho sản phẩm X cho năm tới. Số sản phẩm dự kiến bán được là 300 sản phẩm. Giá bán là \$10/sản phẩm. Doanh thu được thể hiện trong bảng dự toán bán hàng cho năm tới là:

- A. \$ 3.000
- B. \$ 300
- C. \$ 30
- D. \$ 30.000

ANSWER: A

**Câu 54**

Dự toán nào sau đây không thuộc nhóm dự toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp?

- A. Dự toán tiền mặt
- B. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- C. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- D. Dự toán chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

**Câu 55**

Công ty A bán một loại sản phẩm có định mức tồn kho vào cuối mỗi tháng là 20% lượng bán ra trong tháng sau. Lượng bán ra dự kiến trong các tháng của quý 3 như sau

Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
400.000	300.000	250.000

Số lượng sản phẩm cần sản xuất trong tháng 8 là:

- A. 290.000 sản phẩm
- B. 310.000 sản phẩm
- C. 350.000 sản phẩm
- D. 250.000 sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 56

Cấu trúc của một dự toán tiền mặt tại một doanh nghiệp trong một kỳ thời gian thường bao gồm bao nhiêu phần?

- A. 4 phần
- B. 3 phần
- C. 2 phần
- D. 5 phần

ANSWER: A

### Câu 57

Kế hoạch tiêu thụ của một công ty như sau

Tháng 1: 25.000 sản phẩm

Tháng 2: 40.000 sản phẩm

Tháng 3: 30.000 sản phẩm

Biết rằng nhu cầu tồn cuối tháng bằng 10% số lượng sản phẩm bán cho tháng tiếp theo.

Số lượng sản phẩm cần sản xuất trong tháng 2 là:

- A. 39.000 sản phẩm
- B. 41.000 sản phẩm
- C. 37.000 sản phẩm
- D. 43.000 sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 58

Khách hàng sẽ thanh toán 20% của phần doanh thu trong tháng bán hàng, 50% trong tháng sau, và 30% trong tháng kế tiếp. Dưới đây là ngân sách doanh thu của công ty. (1.000đ)

Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
20.000	40.000	50.000	70.000

Tổng số tiền thu được trong tháng 4 là bao nhiêu ?

- A. 51.000 nghìn đồng
- B. 52.000 nghìn đồng
- C. 39.000 nghìn đồng
- D. 50.800 nghìn đồng

ANSWER: A

**Câu 59**

Xem xét các dữ liệu sau đây trong tháng 2 tại 1 công ty:

- + Đầu kỳ: 60 sản phẩm
- + Cuối kỳ: 80 sản phẩm
- + Bán: 500 sản phẩm

Dựa trên dữ liệu trên, hãy tính số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng ?

- A. 520 sản phẩm
- B. 480 sản phẩm
- C. 580 sản phẩm
- D. 560 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 60**

Một công ty đang lập dự toán sản xuất cho sản phẩm A cho năm tới.

Thông tin được cung cấp như sau:

- + Đầu tháng trong kho có: 400 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng là: 1.800 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm bán được trong tháng là: 2.000 sản phẩm

Cuối tháng trong kho có:

- A. 200 sản phẩm
- B. 600 sản phẩm
- C. 300 sản phẩm
- D. 400 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 61**

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp và dự toán chi phí sản xuất chung thuộc nhóm dự toán nào?

- A. Dự toán sản xuất
- B. Dự toán ngoài sản xuất
- C. Dự toán tiêu thụ sản phẩm
- D. Dự toán tiền mặt

ANSWER: A

**Câu 62**

Một công ty đang chuẩn bị lập dự toán bán hàng cho sản phẩm X cho năm tới. Số sản phẩm dự kiến bán được là 800 sản phẩm. Giá bán là \$5/sản phẩm. Doanh thu được thể hiện trong bảng dự toán bán hàng cho năm tới là:

- A. \$ 40.000
- B. \$ 4.000
- C. \$ 800
- D. \$ 400

ANSWER: A



**Câu 63**

Công ty ABC có số liệu dự toán về doanh thu tháng 1, tháng 2 và tháng 3 lần lượt là 20.000.000đ; 50.000.000đ và 40.000.000đ. Công ty dự kiến chính sách thanh toán là thu ngay trong tháng 60% và thu sau một tháng 40%. Hãy cho biết số tiền dự kiến thu được trong tháng 3 là?

- A. 44.000.000đ
- B. 24.000.000đ
- C. 20.000.000đ
- D. 40.000.000đ

ANSWER: A

**Câu 64**

Câu nào dưới đây là **đúng**

- A. Dự toán doanh thu/tiêu thụ được lập đầu tiên
- B. Trong dự toán tiền có tính đến chi phí khấu hao
- C. Dự toán sản xuất được lập trước dự toán doanh thu/tiêu thụ
- D. Dự toán nguyên vật liệu không cần thông tin số lượng sản phẩm sản xuất.

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

Doanh nghiệp Phúc Long có số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh trong quý 4/2022 như sau:

- Sản lượng tiêu thụ: 15.000sp
- Giá bán đơn vị: 340.000 đ/sp
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 140.000đ/sp
- Chi phí nhân công trực tiếp: 50.000đ/sp
- Biến phí sản xuất chung: 16.000đ/sp
- Biến phí bán hàng & quản lý: 32.000đ/sp
- Tổng chi phí cố định trong kỳ: 918.000.000đ

**Yêu cầu:**

**Câu 1:** Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo dạng số dư đảm phí, đầy đủ 3 cột: tổng, đơn vị, % **(1,0 điểm)**.

**Câu 2:** Xác định sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn **(1,0 điểm)**.

**Câu 3:** Giả sử quý sau công ty dự định tăng sản lượng tiêu thụ thêm 20%. Hãy vận dụng độ lớn của đòn bẩy kinh doanh để xác định mức lợi nhuận dự kiến đạt được trong trường hợp này. **(1,0 điểm)**.

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																								
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>7.0</b>																									
Câu 1 – 20		0.35/câu																									
<b>II. Tự luận</b>		<b>3.0</b>																									
Nội dung 1	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Tổng sản phẩm (0,5đ)</th> <th>Đơn vị (0,25đ)</th> <th>% (0,25đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>5.100.000.000</td> <td>340.000</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Biến phí</td> <td>3.570.000.000</td> <td>238.000</td> <td>70%</td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td>1.530.000.000</td> <td>102.000</td> <td>30%</td> </tr> <tr> <td>Định phí</td> <td>918.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận</td> <td>612.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Tổng sản phẩm (0,5đ)	Đơn vị (0,25đ)	% (0,25đ)	Doanh thu	5.100.000.000	340.000	100%	Biến phí	3.570.000.000	238.000	70%	Số dư đảm phí	1.530.000.000	102.000	30%	Định phí	918.000.000			Lợi nhuận	612.000.000			1	
Chỉ tiêu	Tổng sản phẩm (0,5đ)	Đơn vị (0,25đ)	% (0,25đ)																								
Doanh thu	5.100.000.000	340.000	100%																								
Biến phí	3.570.000.000	238.000	70%																								
Số dư đảm phí	1.530.000.000	102.000	30%																								
Định phí	918.000.000																										
Lợi nhuận	612.000.000																										
Nội dung 2.	<p>- Sản lượng hòa vốn = Định phí/Số dư đảm phí đơn vị = <math>918.000.000/102.000 = 9.000</math> sản phẩm</p> <p>- Doanh thu hòa vốn = <math>9.000 \times 340.000 = 3.060.000.000đ</math></p>	1																									
Nội dung 3.	<p>- Độ lớn Đòn bẩy kinh doanh = Số dư đảm phí/Lợi nhuận = <math>1.530.000.000/612.000.000 = 2,5</math> lần</p> <p>- Tỷ lệ tăng doanh thu = 20% =&gt; Tỷ lệ tăng lợi nhuận = <math>2,5 \times 20\% = 50\%</math></p> <p>- Mức tăng lợi nhuận = <math>612.000.000 \times 50 = 306.000.000đ</math></p>	1																									
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>																									

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2023*  
**Giảng viên ra đề**

**Người duyệt đề**

**Lê Phan Thanh Hòa**

**Lê Như Hoa, Phạm Tú Anh,  
Hoàng Thị Hạnh, Vũ Thanh Long**